

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2021

V/v không công nhận vợ chồng, tranh
chấp chia tài sản khi ly hôn, yêu cầu
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Nguyễn Viết Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc không công nhận vợ chồng, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đức L; sinh năm 1971; cư trú tại: thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đức L là ông Trần Hậu Đ; cư trú tại: phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy ủy quyền, ngày 05 tháng 3 năm 2019).

- *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị H; sinh năm 1973; cư trú tại: đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị H là ông Hoàng Văn H và bà Huỳnh Tạ Minh T; cư trú tại: đường V, phường T, quận, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền, ngày 25 tháng 01 năm 2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ thị trấn N, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh là ông Nguyễn Viết H – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (Giấy ủy quyền, ngày 14 tháng 6 năm 2021).

2. Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ xã Cương Gián huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Ông Trần Đức N; sinh năm 1992; cư trú tại: đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

4. Bà Trần Thị T; sinh năm 1994; cư trú tại: đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

5. Ông Trần Văn H; sinh năm 1967; cư trú tại: thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Đức L, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Ông và bà Hoàng Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1991, tại quê ở thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, nhưng không đăng ký kết hôn.

+ Đến năm 1997, ông đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc, làm nghề đánh bắt cá trên tàu biển. Sau 02 năm làm việc ông mới được nghỉ phép về nước 02

tháng để thăm gia đình; sau đó tiếp tục qua Hàn Quốc lao động. Trong thời gian lao động tại Hàn Quốc thì ông thường xuyên gửi tiền về nước cho bà H để nuôi con, cho con cái học hành và mua sắm một số tài sản. Do sống xa nhau nên tình cảm giữa vợ chồng bị rạn nứt, nên nay ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông với bà H là vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà Hoàng Thị H có 02 con chung tên Trần Đức N; sinh ngày 18-6-1992 và Trần Thị T; sinh ngày 17-3-1994. Hiện nay 02 con đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông và bà Hoàng Thị H có tài sản chung, tài sản riêng đang tranh chấp như đã trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên nay ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung để ông và bà H tự thỏa thuận chia với nhau.

- Về nợ chung: Ông và bà Hoàng Thị H không có nợ chung.

Bị đơn bà Hoàng Thị H, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông Trần Đức L ở trên. Nay, tình cảm vợ chồng không còn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà với ông L là vợ chồng.

- Về con chung: Bà và ông Trần Đức L có 02 con chung tên Trần Đức N; sinh ngày 18-6-1992 và Trần Thị T; sinh ngày 17-3-1994. Hiện nay 02 con đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông Trần Đức L có tài sản chung, tuy nhiên nay bà thống nhất với ông L là xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung để bà và ông L tự thỏa thuận chia với nhau.

- Về nợ chung: Bà và ông Trần Đức L không có nợ chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Trần Đức L cư trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; bị đơn bà Hoàng Thị H; cư trú tại địa chỉ đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại khoản 1 và khoản 8 Điều 28; khoản 4 Điều 34; Điều 37; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Tại nội dung trong đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án ngày 13-9-2021, nguyên đơn ông Trần Đức L xác định việc ông chấm dứt ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông Trần Hậu Đ và tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Thị H cũng xác định việc bà chấm dứt ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông Hoàng Văn H, bà Huỳnh Tạ Minh T. Do đó, người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Hậu Đ, ông Hoàng Văn H và bà Huỳnh Tạ Minh T chấm dứt đại diện tố tụng trong vụ án kể từ ngày 23-9-2021, theo quy định tại Điều 89 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 140 của Bộ luật Dân sự.

[3] Nguyên đơn ông Trần Đức L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, ông Trần Đức N và bà Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại Tòa án ngày 31-3-2021 và tại đơn gửi đến Tòa án ngày 13-9-2021, nguyên đơn ông Trần Đức L rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bị đơn cũng thống nhất với nguyên đơn về nội dung này, xét việc rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên cần được chấp nhận để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông Trần Đức L đối với bà Hoàng Thị H thì thấy, theo nội dung cung cấp của Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 28-4-2021 thì từ năm 1991 cho đến nay ông L và bà H không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Xét ông L và bà H chung sống với nhau như vợ chồng, trong khi ông, bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng không đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 6 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng của ông L và bà H là không được pháp luật công nhận. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của ông L để xử không công nhận quan hệ vợ chồng của ông L và bà H, theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[6] Về con chung: Các con chung của ông Trần Đức L và bà Hoàng Thị H đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông Trần Đức L phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 39, Điều 5 và Điều 244, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông Trần Đức L đối với bà Hoàng Thị H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Đức L và bà Hoàng Thị H là vợ chồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của nguyên đơn ông Trần Đức L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002811 ngày 15-01-2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Ông Trần Đức L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản; hoàn trả cho ông L 37.493.100 đồng (Ba mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, một trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002811 ngày 15-01-2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Đức L, Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; ông Trần Đức N; bà Trần Thị T và ông Trần Văn H không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam